UBND XÃ YÊN MẠC **TRƯỜNG MN YÊN MẠC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 09 /QĐ-TrMN	*Yên Mạc, ngày 20 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026 của Trường mầm non Yên Mạc

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ vào Thông tư số 90/2018-BTC, ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017-BTC, ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào Quyết định số 1997/QĐ-UBND, ngày 29 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Yên Mạc về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán. Hiệu trưởng trường mầm non Yên Mạc:

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 của Trường mầm non Yên Mạc *(Theo các biểu đính kèm).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các ông (bà) kế toán của nhà trường và bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Như điều 3 - Lưu VT	**HIỆU TRƯỞNG** U.B.N.D XÃ YÊN MẠC TRƯỜNG MẦM NON YÊN MẠC **Vũ Thị Liên**

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường mầm non Yên Mạc
Chương: 822

DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 09 /QĐ-TrMN, ngày 20 /01/2026 của Trường MN Yên Mạc)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**8,802,000,000**
1	**Chi quản lý hành chính**	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề**	**8,802,000,000**
1.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8,423,000,000
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên Tiền thưởng theo nghị định 73/2024/NĐ-CP	379,000,000
	Tổng cộng	**8,802,000,000**

Ngày 20 tháng 01 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị

U.B.N.D XÃ YÊN MẠC T. NINH BÌNH
TRƯỜNG MẦM NON YÊN MẠC

Vũ Thị Liên

UBND XÃ YÊN MẠC
TRƯỜNG MN YÊN MẠC

BẢNG THUYẾT MINH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

ĐVT: Đồng

Mục	Nội dung	Số tiền
A	**NGUỒN KINH PHÍ ỔN ĐỊNH**	**8,423,000,000**
I	**Chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp**	**7,097,000,000**
6000	**Tiền lương**	**3,994,666,600**
6001	Lương ngạch bậc	3,994,666,600
6050	**Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng**	**159,213,600**
6051	Lương giáo viên hợp đồng NĐ111	159,213,600
6100	**Chi phụ cấp lương**	**1,932,383,700**
6101	Phụ cấp chức vụ	58,968,000
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	1,268,907,200
6115	Phụ cấp thâm niên VK, phụ cấp thâm niên nghề	604,508,500
6300	**Các khoản đóng góp**	**1,010,736,100**
6301	Bảo hiểm xã hội	820,516,800
6302	Bảo hiểm y tế	142,664,500
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	47,554,800
II	**Chi hoạt động**	**1,326,000,000**
	Tiểu nhóm 0129: Chi thanh toán cho cá nhân	***209,458,000***
6100	**Chi phụ cấp lương**	**2,808,000**
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	2,808,000
6200	**Tiền thưởng**	**10,150,000**
6201	Thưởng thường xuyên	10,150,000
6250	**Phúc lợi tập thể**	**196,500,000**
6299	Chi khác	196,500,000
	Tiểu nhóm 0130: Chi về hàng hóa, dịch vụ	***1,079,342,000***
6500	***Thanh toán DVCC***	***89,000,000***
6501	Tiền điện	21,000,000
6502	Tiền nước	48,000,000
6505	Chi phụ cấp lưu trú công tác phí…	20,000,000
6550	**Vật tư văn phòng**	**134,920,000**
6551	Văn phòng phẩm	20,000,000
6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	72,950,000
6553	Khoán văn phòng phẩm	11,970,000
6599	Vật tư văn phòng khác	30,000,000

Mục	Nội dung	Số tiền
6600	**Thông tin tuyên truyền liên lạc**	**42,078,000**
6605	Internet 2 khu: 5.688.000đ	5,688,000
6649	Khác(Gia hạn các phần mềm…)	36,390,000
6750	**Chi phí thuê mướn**	**125,100,000**
6757	Thuê lao động trong nước	104,400,000
6799	Chi phí thuê mướn	20,700,000
6900	**Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng**	**301,365,000**
6912	Sửa chữa thiết bị tin học	20,000,000
6921	Đường điện cấp thoát nước	30,000,000
6949	Các tài sản công trình hạ tầng cơ sở khác	251,365,000
6950	**Mua sắm tài sản phục vụ công tá chuyên môn**	**25,679,000**
6954	Tài sản thiết bị chuyên dùng	25,679,000
7000	**CP nghiệp vụ CM**	**358,700,000**
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	230,600,000
7012	Chi mua sách chuyên môm	5,000,000
7049	Chi phí khác	123,100,000
7050	**Mua sắm tài sản vô hình**	**2,500,000**
7053	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	2,500,000
	Tiểu nhóm 0132: Các khoản chi khác	***37,200,000***
7750	**Chi khác**	**37,200,000**
7799	Chi các khoản khác	24,200,000
7903	Chi các khoản khác	13,000,000
B.	**KINH PHÍ KHÔNG ỔN ĐỊNH**	**379,000,000**
	Tiểu nhóm 0129: Chi thanh toán cho cá nhân	***379,000,000***
6200	**Tiền thưởng**	**379,000,000**
6201	Thưởng thường xuyên(Quỹ tiền thưởng theo NĐ73/2024/NĐ-CP)	379,000,000
	TỔNG CỘNG (A+B):	**8,802,000,000**

Yên Mạc, ngày 20 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu

Vũ Thị Hiền

Thủ trưởng đơn vị

U.B.N.D XÃ YÊN MẠC TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG MẦM NON YÊN MẠC

Vũ Thị Liên